

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**NĂM HỌC: 2023-2024****MÔN: KHTN 8****THỜI GIAN: 60 PHÚT (Không kể giao đề)****I-PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (5,0 ĐIỂM)**

Em hãy khoanh tròn vào một trong các chữ cái A, B, C, D trước ý trả lời đúng cho những câu dưới đây:

Câu 1: Đâu không phải tên cơ quan thuộc hệ bài tiết

- A. Da. B. Phổi. C. Tim. D. Thận.

Câu 2: Cấu tạo của hệ bài tiết nước tiểu bao gồm

- A. thận và ống đái
B. thận, ống dẫn nước tiểu, bong đái
C. thận, ống dẫn nước tiểu, bóng đái, ống đái.
D. thận, ống dẫn nước tiểu, bóng đái, ống đái, phổi, da

Câu 3: Hệ thần kinh gồm

- A. não bộ, dây thần kinh và tủy sống.
B. não bộ, dây thần kinh và các cơ.
C. tủy sống, dây thần kinh và tim mạch.
D. tủy sống, dây thần kinh và hệ cơ xương.

Câu 4: Tuyến nào vừa là tuyến nội tiết vừa là tuyến ngoại tiết?

- A. Tuyến tụy. B. Tuyến yên. C. Tuyến cận giáp. D. Tuyến tùng

Câu 5: Cấu tạo của da gồm mấy lớp?

- A. 5 B. 4 C. 3 D. 2

Câu 6: Bộ phận nào trong cơ quan sinh dục nữ làm nhiệm vụ sản sinh trứng?

- A. Buồng trứng B. Ống dẫn trứng C. Tử cung D. Âm đạo

Câu 7: Có 2 loại tinh trùng, đó là 2 loại nào?

- A. Tinh trùng A và tinh trùng B. B. Tinh trùng α và tinh trùng β .
C. Tinh trùng αX và tinh trùng βY . D. Tinh trùng X và tinh trùng Y.

Câu 8: Số nguyên tử có trong 1,5 mol nguyên tử carbon:

- A. $1,5055 \times 10^{23}$ B. $3,011 \times 10^{23}$ C. $6,022 \times 10^{23}$. D. $9,033 \times 10^{23}$

Câu 9: Ở 25 °C và 1 bar, 0,5 mol khí chiếm thể tích bao nhiêu ?

A. 6.1975 l

B. 12.395 l .

C. 24.79 l

D. 18.5925 l

Câu 10: Khí carbon dioxide (CO_2) nặng hơn hay nhẹ hơn không khí bao nhiêu lần ?

A. 0.25 lần

B. 0.5 lần

C. 0.75 lần

D. 1.5 lần

Câu 11: Khối lượng mol phân tử của Sodium chloride là:

A. 23 gam/mol

B. 35.5 gam/mol .

C. 58.5 gam/mol

D. 71 gam/mol

Câu 12: 0.2 mol Aluminium có khối lượng:

A. 27 gam

B. 2,7 gam .

C. 54 gam

D. 5,4 gam

Câu 13: Trong 36 gam nước thì số mol phân tử là:

A. 1 mol

B. 2 mol .

C. 3 mol

D. 4 mol

Câu 14: Tốc độ phản ứng là

A. đại lượng đặc trưng cho sự nhanh, chậm của một phản ứng hóa học.

B. sự thay đổi nồng độ của một sản phẩm phản ứng trong một đơn vị thời gian.

C. sự thay đổi nồng độ của một chất phản ứng hoặc sản phẩm phản ứng trong một đơn vị thời gian.

D. độ biến thiên nhiệt độ của các chất phản ứng trong một đơn vị thời gian.

Câu 15: Yếu tố nào dưới đây đã được sử dụng để làm tăng tốc độ của phản ứng rắc men vào tinh bột đã được nấu chín (com, ngô, khoai, sắn) để ủ rượu?

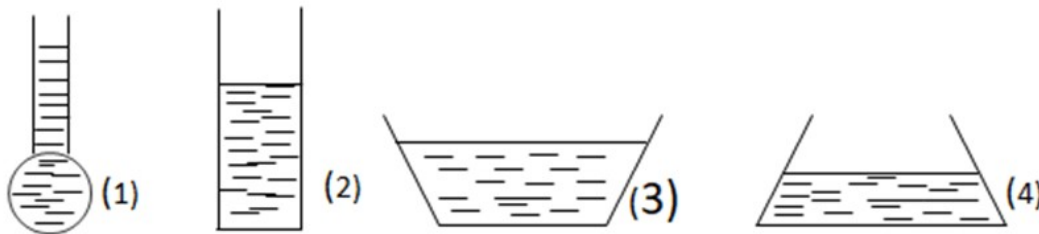
A. Nhiệt độ.

B. Chất xúc tác

C. Nồng độ.

D. Áp suất.

Câu 16: Bốn bình 1, 2, 3, 4 cùng đựng nước như dưới. Áp suất của nước lên đáy bình nào lớn nhất ?



A. Bình 1.

B. Bình 2.

C. Bình 3.

D. Bình 4.

Câu 17: Hiện tượng nào sau đây **không** do áp suất khí quyển gây ra ?

A. Lấy thuốc vào xi lanh để tiêm.

B. Quả bóng bàn bị bẹp thả vào nước nóng lại phồng lên như cũ.

C. Hút xăng từ bình chứa của xe bằng vòi.

D. Uống nước trong cốc bằng ống hút.

Câu 18: Ta có thể cảm nhận thấy tiếng động mạnh trong tai trong trường hợp máy bay đang giảm nhanh độ cao để hạ cánh hay xe đi từ núi cao xuống là do

A. áp suất ở tai ngoài bằng áp suất ở tai giữa.

B. áp suất ở tai ngoài thấp hơn áp suất ở tai giữa khiến màng nhĩ bị đẩy ra phía ngoài.

C. áp suất ở tai ngoài cao hơn áp suất ở tai giữa khiến màng nhĩ bị đẩy về phía trong.

D. một nguyên nhân khác.

Câu 19: Trường hợp nào sau đây chứng tỏ lực tác dụng làm quay vật?

A. Người lái xe ô tô tác dụng lực vào vô lăng làm vô lăng quay quanh trục của nó.

B. Trò chơi vòng quay mặt trời: các carbin quay quanh một trục cố định.

C. Khi đẩy hoặc kéo cửa thì cánh cửa có thể quay quanh bản lề.

D. Cả 3 trường hợp trên.

Câu 20: Moment lực tác dụng lên một vật có trục quay cố định là đại lượng

A. đặc trưng cho tác dụng làm quay vật của lực.

B. đặc trưng cho tác dụng làm vật chuyển động.

C. đặc trưng cho độ mạnh yếu của lực.

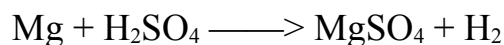
D. luôn có giá trị âm.

II. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 ĐIỂM)

Câu 21: (1,0 điểm) Nêu tên các bộ phận cấu tạo nên hệ thần kinh. Mỗi bộ phận đó gồm những cơ quan nào?

Câu 22: (1,0 điểm) Trình bày chức năng của hệ bài tiết?

Câu 23: (1,0 điểm) Khi cho Mg tác dụng với dung dịch H_2SO_4 loãng thì xảy ra phản ứng hoá học như sau:



Sau phản ứng thu được 0,02 mol MgSO_4 . Tính thể tích khí H_2 thu được ở 25°C , 1 bar.

Câu 24: (1,0 điểm) Tính nồng độ mol của dung dịch CuSO_4 , biết trong 4 lít dung dịch có hòa tan hết 400 gam CuSO_4 ? Biết: Cu : 64, S : 32, O: 16

Câu 25: (1,0 điểm) Một tàu ngầm đang di chuyển dưới biển. Áp kế đặt ở ngoài vỏ tàu chỉ áp suất 202000 N/m². Một lúc sau áp kế chỉ 860000 N/m². Tính độ sâu của tàu ngầm ở hai thời điểm trên biết trọng lượng riêng của nước biển bằng 10300 N/m³.

HƯỚNG DẪN CHẤM

I - Phần trắc nghiệm khách quan (5,0 điểm)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----

C	C	A	A	C	A	D	D	B	D
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
C	D	B	A	B	A	B	C	D	A

(Mỗi câu chọn đúng được 0,25 điểm)

II - Phần tự luận (5,0 điểm)

Câu	Nội dung	Biểu điểm
21	<p>- Hệ thần kinh gồm: Bộ phận thần kinh trung ương và bộ phận thần kinh ngoại biên.</p> <p>+ Bộ phận thần kinh trung ương gồm có não bộ và tủy sống.</p> <p>+ Bộ phận thần kinh ngoại biên gồm các dây thần kinh và hạch thần kinh</p>	<p>0.5</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>
22	<p>- Hệ bài tiết có chức năng lọc và thải ra môi trường ngoài các chất thải, chất dư thừa, chất độc, giúp duy trì môi trường trong cơ thể, đảm bảo cho các hoạt động sống diễn ra bình thường.</p> <p>- Cơ quan bài tiết chủ yếu là phổi, thận, da.</p>	<p>0.75</p> <p>0.25</p>
23	<p>PTHH: $\text{Mg} + \text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{MgSO}_4 + \text{H}_2$</p> <p style="text-align: center;"> $\begin{matrix} 1 \text{ mol} & 1 \text{ mol} & 1 \text{ mol} & 1 \text{ mol} \\ n = 0,02\text{mol} & n = 0,02\text{mol} \end{matrix}$ </p> <p>Vậy 0,02 mol MgSO_4 tham gia phản ứng sẽ thu được 0,02 mol H_2</p> <p>Thể tích khí hydrogen thu được ở 25 °C, 1 bar</p> <p style="text-align: center;">$V = n \times 24,79 = 0,02 \times 24,79 = 0,4952 \text{ (l)}$</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
24	$n_{\text{CuSO}_4} = \frac{m_{\text{CuSO}_4}}{M_{\text{CuSO}_4}} = \frac{400}{160} = 2,5\text{mol}$ $C_{\text{M}_{\text{CuSO}_4}} = \frac{n_{\text{CuSO}_4}}{V_{\text{dH}_{\text{CuSO}_4}}} = \frac{2,5}{4} = 0,625\text{M}$	<p>0,5</p> <p>0,5</p>

25	<p>Độ sâu của tàu ngầm ở hai thời điểm trên là:</p> $h_1 = \frac{p_1}{d} = \frac{2020000}{10300} = 196\text{m}$ $h_2 = \frac{p_2}{d} = \frac{860000}{10300} = 83,5\text{m}$	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
----	---	-----------------------

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2023-2024
MÔN: KHTN 8
THỜI GIAN: 60 PHÚT (Không kể giao đề)

1) Ma trận

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra cuối kì I

- **Thời gian làm bài:** 60 phút.

- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).

- **Cấu trúc:**

+ Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

+ Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm, gồm 20 câu hỏi (ở mức độ nhận biết: 12 câu, thông hiểu 8 câu, vận dụng : 00 câu; Vận dụng cao: 00câu)

+ Phần tự luận: 5,0 điểm gồm 5 câu: (Nhận biết: 1 câu 1 điểm, Thông hiểu: 1 câu 1 điểm ; Vận dụng : 2 câu 2 điểm; Vận dụng cao: 1 câu 1 điểm)

+ Nội dung: Nửa học kì sau: 100% (10,0 điểm)

- **Xác định số câu cho mỗi nội dung và mức độ nhận thức:**

Chủ đề	Mức độ								Tổng số		Điểm số
	Biết		Hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	Số ý TL	Số câu TN	
Bài 33. Môi trường trong cơ thể và hệ bài tiết ở người (2 tiết)			1 (1)	1 (0.25)					1	1	1.25
Bài 34. Hệ thần kinh và các giác quan ở người (2 tiết)	1 (1)	1 (0.25)							1	1	1.25
Bài 35. Hệ nội tiết ở người (1 tiết)		1 (0.25)								1	0.25

Bài 36. Da và điều hoà thân nhiệt ở người (2 tiết)		1 (0.25)		1 (0.25)						2	0.5
Bài 37. Sinh sản ở người (2 tiết)		1 (0.25)		1 (0.25)						2	0.5
Bài 4 Mol và tỉ khối của chất khí		4 (1)		2 (0.5)						6	1.5 đ
Bài 5. Tính theo phương trình hoá học							1 (1)		1		1 đ
Bài 6. Nồng độ dung dịch					1 (1)				1		1 đ
Bài 7. Tốc độ phản ứng và chất xúc tác		1 (0.25)		1 (0.25)						2	0.5đ
Bài 17: Áp suất chất lỏng và chất khí (4 tiết)		2 (0,5 đ)		1 (0,25 đ)	1 (1đ)				1 (1đ)	3 (0,75 đ)	1,75
Bài 18: Lực có thể làm quay vật (2 tiết)		1 (0,25 đ)		1 (0,25 đ)						2 (0,5đ)	0,5đ
Số ý TL / Số câu TN	1	12	1	8	2		1		5	20	10
Điểm số	1,0	3,0	1,0	2,0	2,0		1,0		5,0	5,0	
Tổng số điểm	4,0		3,0		2,0		1,0		10		10

2) Bản đặc tả

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)
Bài 33. Môi trường trong cơ thể và hệ bài tiết ở người (2 tiết)				
- Các cơ quan của hệ bài tiết	Nhận biết	- Nêu được chức năng của hệ bài tiết. - Dựa vào hình ảnh sơ lược, kể tên được các bộ phận chủ yếu		1

		của thận.		
	Thông hiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào hình ảnh hay mô hình, kể tên được các cơ quan của hệ bài tiết nước tiểu. - Trình bày được một số bệnh về hệ bài tiết. Trình bày cách phòng chống các bệnh về hệ bài tiết. 	1	1
	Vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được hiểu biết về hệ bài tiết để bảo vệ sức khỏe. 		
	Vận dụng cao	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu được một số thành tựu ghép thận, chạy thận nhân tạo. - Thực hiện được dự án, bài tập: Điều tra bệnh về thận như sỏi thận, viêm thận,... trong trường học hoặc tại địa phương. 		
Bài 34. Hệ thần kinh và các giác quan ở người (2 tiết)				
Chức năng, sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ thần kinh và các giác quan	Nhận biết	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được chức năng của hệ thần kinh và các giác quan. - Nêu được chức năng của các giác quan thị giác và thính giác. - Dựa vào hình ảnh kể tên được hai bộ phận của hệ thần kinh là bộ phận trung ương (não, tủy sống) và bộ phận ngoại biên (các dây thần kinh, hạch thần kinh). 	1	1
	Thông hiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng các bệnh đó. - Trình bày được một số bệnh về thị giác và thính giác và cách phòng, chống các bệnh đó (ví dụ: bệnh về mắt: bệnh đau mắt đỏ, ...; tật về mắt: cận thị, viễn thị, ...). - Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của mắt và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận ánh sáng. - Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của tai ngoài, tai giữa, tai trong và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận âm thanh. 		
		<ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt. - Liên hệ được cơ chế truyền âm thanh trong thu nhận âm 		

		thanh ở tai. - Không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác. - Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình.		
	Vận dụng cao	Tìm hiểu được các bệnh và tật về mắt trong trường học (cận thị, viễn thị,...), tuyên truyền chăm sóc và bảo vệ đôi mắt.		
Bài 35. Hệ nội tiết ở người (1 tiết)				
- Chức năng của các tuyến nội tiết	Nhận biết	- Kể được tên và nêu được chức năng của các tuyến nội tiết. - Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine,...).		1
	Thông hiểu	- Nêu được cách phòng chống các bệnh liên quan đến hệ nội tiết		
	Vận dụng	- Vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khoẻ bản thân và người thân trong gia đình.		
	Vận dụng cao	Tìm hiểu được các bệnh nội tiết ở địa phương (ví dụ bệnh tiểu đường, bướu cổ).		
Bài 36. Da và điều hoà thân nhiệt ở người (2 tiết)				
- Chức năng và cấu tạo da người	Nhận biết	- Nêu được cấu tạo sơ lược của da. - Nêu được chức năng của da.		1
	Thông hiểu	- Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và làm đẹp da an toàn.		
	Vận dụng	Vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho da.		
	Vận dụng cao	- Tìm hiểu được các bệnh về da trong trường học hoặc trong khu dân cư. - Tìm hiểu được một số thành tựu ghép da trong y học.		
Bài 37. Sinh sản ở người (2 tiết)				
- Chức năng, cấu tạo của hệ sinh dục	Nhận biết	- Nêu được chức năng của hệ sinh dục. - Kể tên được các cơ quan sinh dục nam và nữ.		1
		- Trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và		1

	Thông hiểu	nữ. - Nêu được hiện tượng kinh nguyệt. - Nêu được cách phòng tránh thai. - Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai. - Trình bày được cách phòng chống các bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...).		
	Vận dụng	- Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khoẻ bản thân.		
	Vận dụng cao	- Điều tra được sự hiểu biết của học sinh trong trường về sức khoẻ sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục).		
Chủ đề 1: Phản ứng hóa học				
Bài 4 Mol và tỉ khối của chất khí	Nhận biết	- Nêu được khái niệm về mol (nguyên tử, phân tử). - Nêu được khái niệm tỉ khối, viết được công thức tính tỉ khối của chất khí. - Nêu được khái niệm thể tích mol của chất khí ở áp suất 1 bar và 25°C.		4
	Thông hiểu	- Tính được khối lượng mol (M); Chuyển đổi được giữa số mol (n) và khối lượng (m). $n = \frac{V}{24,79}$ - Sử dụng được công thức để chuyển đổi giữa số mol và thể tích chất khí ở điều kiện chuẩn: áp suất 1 bar ở 25 °C		2
Bài 5. Tính theo phương trình hoá học	Nhận biết	- Viết được phương trình hoá học theo số mol, khối lượng hoặc thể tích ở điều kiện 1 bar và 25°C (đkc). - Nêu được khái niệm hiệu suất của phản ứng và		
	Vận dụng	- Tính được lượng chất trong phương trình hoá học theo số mol, khối lượng hoặc thể tích ở điều kiện 1 bar và 25°C (đkc). - Tính được hiệu suất của một phản ứng dựa vào lượng sản phẩm thu được theo lí thuyết và lượng sản phẩm thu được theo thực tế.	1	
Bài 6. Nồng độ dung dịch	Nhận biết	- Nêu được dung dịch là hỗn hợp lỏng đồng nhất của các chất đã tan trong nhau.		

		- Nêu được định nghĩa độ tan của một chất trong nước, nồng độ phần trăm, nồng độ mol.		
	Thông hiểu	- Tiến hành pha một dung dịch theo nồng độ cho trước.		
	Vận dụng cao	- Tính được độ tan, nồng độ phần trăm, nồng độ mol theo công thức.	1	
Bài 7. Tốc độ phản ứng và chất xúc tác	Nhận biết	- Nêu được khái niệm về tốc độ phản ứng (chỉ mức độ nhanh hay chậm của phản ứng hoá học) - Nêu được các yếu tố làm thay đổi tốc độ phản ứng; - Nêu được khái niệm về chất xúc tác.		1
	Thông hiểu	- Hiểu được các yếu tố làm thay đổi tốc độ phản ứng; - So sánh được tốc độ của một số phản ứng hóa học.		1
Áp suất chất lỏng và chất khí (4 tiết) + Tác dụng làm quay của lực (2 tiết)				
Áp suất chất lỏng và chất khí	Nhận biết	- Tác dụng của áp suất chất lỏng lên vật đặt trong nó		1
		- Sự truyền áp suất chất lỏng		
		- Sự tồn tại suất áp suất khí quyển		1
		- Một số ảnh hưởng và ứng dụng của áp suất không khí		
	Thông hiểu	- Mô tả được sự tạo thành tiếng động trong tai khi tai chịu sự thay đổi áp suất đột ngột.		1
		- Nêu được: Áp suất tác dụng vào chất lỏng sẽ được chất lỏng truyền đi nguyên vẹn theo mọi hướng; lấy được ví dụ minh họa.		
	Vận dụng	- Giải thích được một số ứng dụng về áp suất không khí trong đời sống (ví dụ như: giác mút, bình xịt, tàu đệm khí).		
		- Dùng dụng cụ thực hành, khẳng định được: áp suất sinh ra khi có áp lực tác dụng lên một diện tích bề mặt, $\text{áp suất} = \frac{\text{áp lực}}{\text{diện tích bề mặt}}$.	1	
Lực có thể làm quay vật	Vận dụng cao	- Giải thích được một số hiện tượng trong đời sống.		
	Nhận biết	- Lấy được ví dụ về chuyển động quay của một vật rắn quanh một trục cố định.		1
		- Thực hiện thí nghiệm để mô tả được tác dụng làm quay của		

	Thông hiểu	lực.		
		- Nêu được: tác dụng làm quay của lực lên một vật quanh một điểm hoặc một trục được đặc trưng bằng moment lực.		1
	Vận dụng	- Vận dụng được tác dụng làm quay của lực để giải thích một số ứng dụng trong đời sống lao động (cách uốn, nắn một thanh kim loại để chúng thẳng hoặc tạo thành hình dạng khác nhau).		
			5	20